

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo Tờ trình số 338/TTr-VQHQG ngày 20/5/2026 của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; kèm theo hồ sơ; ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương về Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét báo cáo của Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc và Cục trưởng Cục Phát triển đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

a) Bổ sung về quan điểm phát triển tại điểm a khoản 2 Điều 1 như sau:

“- Phát triển đô thị theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả; thúc đẩy phát triển các mô hình đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị nén, các trung tâm đổi mới sáng tạo và phát triển theo định hướng giao thông công cộng; tăng cường liên kết vùng và phát huy các động lực tăng trưởng mới.

- Tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn phù hợp với định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội, không gian biển, sử dụng đất, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của quốc gia; phù hợp với định hướng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.”.

b) Bổ sung về mục tiêu đến năm 2030 tại điểm b khoản 2 Điều 1 như sau:

“Hình thành các cực tăng trưởng, trung tâm đổi mới sáng tạo và các hành lang kinh tế - đô thị có tính liên kết vùng chặt chẽ, tạo động lực lan tỏa phát triển trên phạm vi cả nước.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu phát triển hệ thống nông thôn thời kỳ đến năm 2030 tại điểm a khoản 3 Điều 1 như sau:

“- Phần đầu cả nước có khoảng 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 10% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; phần đầu có 05 tỉnh, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tiếp tục hoàn thiện hệ thống nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với phát triển đô thị và đô thị hóa; phát triển đồng bộ hệ thống trung tâm nông thôn, bảo đảm cung cấp dịch vụ thiết yếu và nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Thiết chế văn hóa, thể thao: Phần đầu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; bảo đảm hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được tổ chức đồng bộ, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của nhân dân trên phạm vi cả nước.”.

b) Bổ sung về định hướng phát triển chung tại điểm b khoản 3 Điều 1 như sau:

“- Tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn theo mạng lưới liên kết đa cấp, đa chiều; phân bố hợp lý, đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng; dựa trên định hướng khung hạ tầng giao thông quốc gia, liên kết ngành lĩnh vực, đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị để hình thành các cực tăng trưởng tại các vùng kinh tế xã hội và vùng động lực; tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và nâng cao hiệu quả tổ chức lãnh thổ quốc gia. Chuyển từ tiếp cận phát triển đô thị theo địa giới hành chính sang phát triển theo cấu trúc không gian và mạng lưới hạ tầng; gắn vai trò, chức năng đô thị với định hướng phát triển của từng vùng kinh tế - xã hội, vùng động lực, cực tăng trưởng trong tổng thể quốc gia, hình thành mạng lưới liên kết phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; tăng cường cơ chế phối hợp quản lý phát triển giữa

các đơn vị hành chính trong cùng không gian đô thị, bảo đảm thống nhất tổ chức hạ tầng, sử dụng đất, quản lý không gian và cung cấp dịch vụ đô thị”.

c) Sửa đổi, bổ sung định hướng tổ chức không gian hệ thống đô thị tại điểm c khoản 3 Điều 1 như sau:

“- Khung định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị

Phát triển hệ thống đô thị Việt Nam theo mô hình mạng lưới đa trung tâm, đa cực gắn với cấu trúc cực - vùng - hành lang - mạng lưới; phân bố hợp lý trên các vùng kinh tế - xã hội và các vùng đô thị lớn, gắn với các cực tăng trưởng và vùng động lực của đất nước; được tổ chức theo vai trò, chức năng, quy mô và mối liên kết giữa các đô thị; hình thành các chuỗi, dải, cụm và chùm đô thị phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền.

Mạng lưới đô thị quốc gia gồm các vùng đô thị lớn; hệ thống đô thị trung tâm các cấp, gồm: đô thị trung tâm quốc gia, trung tâm vùng, trung tâm tỉnh, trung tâm thành phố; các đô thị trung tâm chuyên ngành; các hành lang kinh tế - đô thị. Mạng lưới đô thị quốc gia tạo nên hình thái không gian liên kết theo chuỗi, dải, cụm và chùm đô thị tại các vùng kinh tế - xã hội; gắn với các hành lang kinh tế Bắc - Nam, đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Tây, hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu, các hành lang Đông - Tây, hành lang vành đai biên giới (Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia); phát huy vai trò của không gian biển và các vùng ven biển trong phát triển kinh tế biển, kinh tế cửa khẩu, thúc đẩy liên kết vùng, đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Các vùng đô thị lớn được xác định phù hợp với Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Các vùng đô thị lớn (04 vùng):

+ Vùng đô thị Hà Nội gồm thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố, khu vực lân cận thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du và miền núi phía Bắc, bao gồm Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Phú Thọ, khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Bình và khu vực phía Nam tỉnh Thái Nguyên.

Xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội là cực tăng trưởng quốc gia, cùng với các đô thị lân cận trong vùng theo hướng phân công, chia sẻ chức năng về giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics và du lịch; hạn chế gia tăng tập trung mật độ cao tại khu vực đô thị trung tâm Hà Nội; phát triển các hình thái đô thị phù hợp với hệ sinh thái lưu vực sông Hồng và sông Thái Bình.

Phát triển theo mô hình chùm đô thị hướng tâm, kết hợp cấu trúc đa trung tâm, đa cực; trong đó Hà Nội là đô thị trung tâm, hạt nhân, giữ vai trò hội tụ, lan tỏa và kết nối vùng, liên vùng và quốc tế; các đô thị lân cận giữ vai trò vệ tinh, đối trọng, chia sẻ chức năng và hỗ trợ phát triển vùng. Hình thành các cực tăng trưởng thứ cấp (đô thị Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Phủ Lý, Thái Nguyên, Hòa Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc

Giang) và các vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ dọc theo các tuyến vành đai vùng Thủ đô, các tuyến quốc lộ 18, quốc lộ 5 Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Quảng Ninh và các hành lang phát triển gắn với lưu vực sông Hồng - Thái Bình. Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng chiến lược, nâng cao vai trò liên kết vùng và lan tỏa phát triển của vùng đô thị Hà Nội đối với vùng động lực phía Bắc và khu vực phía Bắc.

+ Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đồng Nai và các tỉnh, khu vực lân cận thuộc vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm Đồng Nai, Tây Ninh, khu vực phía Đông tỉnh Đồng Tháp.

Xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng quốc gia, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, logistics và giao dịch quốc tế của cả nước và khu vực; cùng với các đô thị lân cận trong vùng phân công, chia sẻ chức năng về công nghiệp, cảng biển, logistics, đào tạo nguồn nhân lực, y tế chất lượng cao, thương mại, dịch vụ và du lịch; giảm áp lực tập trung mật độ cao vào khu vực trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, phát triển các hình thái đô thị phù hợp với hệ sinh thái lưu vực sông Đồng Nai và sông Mê Kông.

Xây dựng và phát triển Thành phố Đồng Nai trở thành cực tăng trưởng quan trọng của quốc gia, trung tâm kết nối kinh tế và cửa ngõ hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới; phát triển theo mô hình đô thị đa trung tâm, xanh, thông minh gắn với công nghiệp công nghệ cao - logistics - thương mại biên giới - nông nghiệp công nghệ cao - đổi mới sáng tạo với hệ thống hạ tầng giao thông, logistics, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ gắn với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước và kết nối quốc tế.

Phát triển theo mô hình vùng đô thị đa trung tâm, đa cực; trong đó Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị trung tâm, hạt nhân, giữ vai trò hội tụ, lan tỏa và kết nối vùng, liên vùng và quốc tế; các đô thị lân cận giữ vai trò vệ tinh, đối trọng, chia sẻ chức năng và hỗ trợ phát triển vùng. Hình thành các cực tăng trưởng thứ cấp (đô thị Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Nhơn Trạch, Long Thành, Bà Rịa, Vũng Tàu, Phú Mỹ, Tân Ninh, Tân An, Mỹ Tho) và các vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ dọc theo các tuyến vành đai, các hành lang phát triển gắn với hệ thống cảng biển, cảng hàng không quốc tế, các trục cao tốc và lưu vực sông. Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng chiến lược, nâng cao vai trò liên kết vùng và lan tỏa phát triển của vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh đối với vùng động lực phía Nam và khu vực phía Nam.

+ Vùng đô thị Đà Nẵng - Huế gồm khu vực lõi đô thị thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế và các đô thị lân cận trên địa bàn hai thành phố.

Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng là cực tăng trưởng, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, cùng với đô thị Huế thúc đẩy phát triển khu vực phía Nam của vùng Bắc Trung Bộ.

Phát triển theo mô hình chuỗi đô thị ven biển kết hợp với các trục liên kết Đông - Tây; tăng cường liên kết giữa khu vực Duyên hải với Tây Nguyên và phía Nam vùng Bắc Trung Bộ; khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế biển, du lịch, dịch vụ, logistics,

kinh tế cảng biển và kinh tế cửa khẩu; hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo và y tế chất lượng cao, trung tâm năng lượng quốc gia; phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại thành phố Đà Nẵng. Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng chiến lược, nâng cao vai trò liên kết vùng và lan tỏa phát triển của vùng đô thị Đà Nẵng - Huế đối với vùng động lực miền Trung và khu vực miền Trung.

+ Vùng đô thị Cần Thơ gồm khu vực lõi đô thị của Thành phố Cần Thơ và các đô thị lân cận thuộc thành phố Cần Thơ và các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang.

Xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ là cực tăng trưởng, đô thị hạt nhân và động lực thúc đẩy phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Phát triển hệ thống đô thị theo các hành lang kinh tế và các trục giao thông, hạ tầng chiến lược, trọng tâm là các hành lang Cà Mau - Cần Thơ - Mỹ Thuận - Trung Lương - Thành phố Hồ Chí Minh và Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng gắn với cảng biển đặc biệt Trần Đề là cửa ngõ hướng ra biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; tăng cường liên kết nội vùng và với vùng Đông Nam Bộ; phát triển đô thị gắn với nông nghiệp hiện đại, logistics, công nghiệp chế biến và kinh tế sông nước; thúc đẩy mô hình phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng chiến lược, nâng cao vai trò liên kết vùng và lan tỏa phát triển của vùng đô thị Cần Thơ đối với vùng động lực Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Hệ thống đô thị trung tâm quốc gia (đô thị loại đặc biệt và loại I)

Các đô thị trung tâm quốc gia là các đô thị đặc biệt, đô thị loại I được xác định trong quy hoạch, giữ vai trò là các đô thị động lực, cực tăng trưởng chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của quốc gia hoặc vùng liên tỉnh.

+ Xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội là thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, có vị thế nổi trội về văn hóa, lịch sử của khu vực Đông Nam Á; là cực tăng trưởng, động lực thúc đẩy phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng động lực phía Bắc và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

Phát triển Thủ đô Hà Nội là thành phố toàn cầu, thông minh, hiện đại, xanh, sáng tạo; là trung tâm lớn của cả nước về văn hóa, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục đào tạo, y tế, tài chính, ngân hàng và giao dịch quốc tế; trung tâm đổi mới sáng tạo quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương; đầu mối giao thông quan trọng của quốc gia, khu vực và quốc tế; giữ vai trò hạt nhân của vùng đô thị Hà Nội và có vai trò lan tỏa phát triển đối với vùng động lực phía Bắc và khu vực phía Bắc.

Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng đô thị hiện đại, đồng bộ; đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng khối lượng lớn và đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD); phát triển không gian đô thị đa tầng, đa lớp gắn với quản lý, khai thác hiệu quả không gian ngầm và không gian trên cao; phát huy giá trị sông Hồng như trục cảnh quan sinh thái - văn hóa và không gian phát triển chiến lược của Thủ đô.

+ Xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có vị thế nổi trội về kinh tế, tài chính, thương mại và đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á; là cực tăng trưởng, động lực thúc đẩy phát triển vùng Đông Nam Bộ, vùng động lực phía Nam và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế, phấn đấu phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, hướng tới trở thành trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh trong khu vực.

Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố toàn cầu đa trung tâm, hiện đại, năng động, sáng tạo; là trung tâm lớn của cả nước về tài chính, thương mại, dịch vụ, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục đào tạo, y tế chuyên sâu và giao dịch quốc tế; trung tâm đổi mới sáng tạo, công nghệ cao và kinh tế số quan trọng của khu vực châu Á; đầu mối giao thông, logistics và giao thương quốc tế quan trọng của quốc gia, khu vực và quốc tế; giữ vai trò hạt nhân của vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh và có vai trò lan tỏa phát triển đối với vùng động lực phía Nam và khu vực phía Nam.

Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng đô thị hiện đại, đồng bộ; đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng khối lượng lớn và đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD); ưu tiên quỹ đất dành cho các chức năng phát triển kinh tế; tổ chức không gian đô thị đa tầng, đa lớp gắn với quản lý, khai thác hiệu quả không gian ngầm và không gian trên cao; phát huy giá trị sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và không gian biển Cần Giờ, Long Hải, Hồ Tràm, Bình Châu, khu vực hồ Dầu Tiếng, hồ sông Ray, khu vực núi Thị Vải - Minh Đạm như các trục cảnh quan sinh thái và không gian phát triển chiến lược của Thành phố Hồ Chí Minh; tăng cường kết nối khu vực trung tâm với cảng hàng không quốc tế Long Thành và các cảng biển cửa ngõ quốc tế.

+ Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành đô thị biển hiện đại, thông minh, có sức cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế; là cực tăng trưởng, động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng động lực phía Bắc và cả nước; trung tâm kinh tế biển quan trọng của quốc gia; trung tâm lớn về công nghiệp công nghệ cao, logistics, thương mại, tài chính, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và y tế chất lượng cao; đầu mối giao thông và giao thương quốc tế quan trọng gắn với hệ thống cảng biển, hàng hải, hàng không, đường sắt và đường bộ; giữ vai trò cửa ngõ ra biển của vùng Thủ đô Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng và là đô thị cửa ngõ biển của hành lang kinh tế - đô thị Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; phát triển cân bằng giữa kinh tế, xã hội và môi trường, có bản sắc đô thị cảng biển đặc trưng, khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển đảo.

+ Xây dựng và phát triển thành phố Huế là đô thị di sản, văn hóa đặc sắc của quốc gia và khu vực châu Á; phát triển theo hướng xanh, thông minh, sinh thái, thích ứng và bền vững; giữ gìn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa Huế và quần thể di sản văn hóa thế giới; là trung tâm lớn của cả nước về văn hóa, du lịch, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và y tế chuyên sâu; là thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam và khu vực; trung tâm du lịch văn hóa, du lịch di sản, du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng biển có tầm quốc tế; cùng với thành phố Đà Nẵng hình thành vùng đô thị du

lich, dịch vụ và kinh tế biển quan trọng của miền Trung và khu vực châu Á - Thái Bình Dương; có vai trò thúc đẩy liên kết phát triển giữa vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và hành lang kinh tế Đông - Tây; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái đầm phá và không gian ven biển gắn với nâng cao chất lượng sống đô thị và phát triển bền vững.

+ Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á; là cực tăng trưởng, động lực phát triển của vùng động lực miền Trung và cả nước; trung tâm lớn về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin và công nghiệp hỗ trợ; trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học công nghệ và tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; đô thị cảng biển quốc tế, đầu mối giao thông quan trọng gắn với hành lang kinh tế Đông - Tây và mạng lưới giao thương quốc tế; phát triển theo hướng đô thị sinh thái, hiện đại, thông minh, sáng tạo và đáng sống; phát triển hệ thống hạ tầng đô thị hiện đại, và phát triển các đô thị mới theo định hướng giao thông công cộng (TOD); trung tâm đô thị gắn với di sản quốc gia, quốc tế; giữ vai trò hạt nhân của vùng đô thị Đà Nẵng - Huế, trung tâm kinh tế biển, logistics, đổi mới sáng tạo, công nghệ cao và kinh tế số của miền Trung; phát huy giá trị không gian biển, sông Hàn, hệ sinh thái ven biển và các giá trị văn hóa đặc trưng của khu vực Quảng Đà; bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo.

+ Xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai trở thành cửa ngõ chiến lược, cực tăng trưởng và động lực phát triển quan trọng của vùng động lực phía Nam, vùng Đông Nam Bộ và cả nước; trung tâm lớn về công nghiệp công nghệ cao, logistics, thương mại, dịch vụ, đổi mới sáng tạo và nông nghiệp công nghệ cao gắn với Cảng hàng không quốc tế Long Thành và hệ thống hạ tầng giao thông, logistics chiến lược quốc gia; giữ vai trò trung tâm kết nối giữa vùng Đông Nam Bộ với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế; tăng cường liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị trong vùng động lực phía Nam; phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng sống đô thị.

+ Xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trở thành đô thị sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long; là cực tăng trưởng, đô thị hạt nhân và động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; trung tâm của vùng về năng lượng, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, thương mại, dịch vụ, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ cao, giáo dục đào tạo, y tế chuyên sâu, văn hóa và thể thao; trung tâm liên kết, trung chuyển hàng hóa, dịch vụ và logistics của vùng gắn với hệ thống cảng biển, cảng hàng không, các hành lang kinh tế và mạng lưới giao thông thủy, bộ của Đồng bằng sông Cửu Long; phát triển theo hướng xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và đặc thù sinh thái sông nước; phát huy vai trò lan tỏa

phát triển, thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết với vùng Đông Nam Bộ và hợp tác tiêu vùng sông Mekong.

+ Trong quá trình đô thị hóa, một số tỉnh có chủ trương của Đảng, được tập trung đầu tư phát triển và đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định pháp luật về phân loại đô thị và tổ chức đơn vị hành chính thì được xem xét phát triển để trở thành thành phố, đảm nhiệm vai trò đô thị trung tâm quốc gia; là cực tăng trưởng, đầu mối liên kết vùng, quốc gia và quốc tế; có hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, năng lực cạnh tranh cao và khả năng lan tỏa phát triển đối với các vùng động lực, vùng kinh tế - xã hội và hành lang kinh tế của quốc gia.

- Hệ thống đô thị trung tâm vùng

Các đô thị trung tâm vùng là các đô thị loại đặc biệt, loại I, II được xác định trong quy hoạch, giữ vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của vùng liên tỉnh; liên kết, hỗ trợ thúc đẩy phát triển các đô thị trung tâm tỉnh, các cực tăng trưởng, đô thị chuyên ngành; tạo động lực và khả năng lan tỏa phát triển trong tổng thể hệ thống đô thị toàn quốc và trên các hành lang, vành đai kinh tế động lực.

+ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, phát triển các đô thị trung tâm vùng, gồm: Thái Nguyên, Việt Trì, Lạng Sơn, Lào Cai, Điện Biên Phủ.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng phát triển các đô thị trung tâm vùng, gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh.

+ Vùng Bắc Trung Bộ phát triển các đô thị trung tâm vùng, gồm: Thanh Hóa, Vinh, Huế.

+ Vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên phát triển các đô thị trung tâm vùng, gồm: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt.

+ Vùng Đông Nam Bộ phát triển các đô thị trung tâm vùng, gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tân Ninh.

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long phát triển các đô thị trung tâm vùng, gồm: Cần Thơ, Long Xuyên, Cao Lãnh, Vĩnh Long, Cà Mau và Phú Quốc.

- Hệ thống đô thị trung tâm tỉnh, tiểu vùng thuộc tỉnh

Hệ thống đô thị trung tâm tỉnh: Bao gồm các đô thị loại II có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành của tỉnh, thành phố hoặc vùng liên tỉnh; trong đó một số đô thị đồng thời giữ vai trò đô thị trung tâm vùng.

Hệ thống đô thị trung tâm tiểu vùng thuộc tỉnh: Bao gồm các đô thị loại III có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành tiểu vùng; giữ vai trò liên kết đô thị - nông thôn, thúc đẩy sự phát triển các khu vực nông thôn; được cụ thể hóa trong phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn của quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Danh mục các đô thị loại đặc biệt, loại I, II được định hướng phát triển trong giai đoạn đến năm 2030 được nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

- Hành lang kinh tế - đô thị

Phát triển chuỗi, cụm đô thị theo các hành lang kinh tế quốc gia, gắn với hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược và các trục phát triển kinh tế, tạo mối liên kết hợp lý giữa các vùng và trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Tổ chức các hành lang kinh tế - đô thị trở thành các trục động lực của quốc gia, có vai trò thúc đẩy liên kết vùng trên cơ sở tăng cường kết nối các khu kinh tế, trung tâm công nghiệp, logistics, thương mại, dịch vụ, cảng biển, cảng hàng không và các đầu mối hạ tầng chiến lược; mở rộng kết nối quốc tế và phát huy hiệu quả lan tỏa của các đô thị có vai trò là cực tăng trưởng.

Hệ thống hành lang phát triển kinh tế - đô thị được tổ chức trên cơ sở các hành lang kinh tế quốc gia và hệ thống hạ tầng chiến lược, gồm các nhóm chính sau:

+ Các hành lang Bắc - Nam là các trục không gian phát triển chủ đạo của hệ thống đô thị quốc gia, gắn với các tuyến hạ tầng chiến lược như cao tốc Bắc - Nam, đường sắt tốc độ cao, tuyến ven biển và trục đường Hồ Chí Minh; giữ vai trò kết nối các vùng kinh tế - xã hội, các vùng đô thị lớn, các cực tăng trưởng, các đô thị trung tâm quốc gia, vùng và các không gian phát triển động lực trên toàn quốc.

Hành lang Bắc - Nam phía Đông là trục phát triển xương sống của không gian quốc gia, kết nối các cực tăng trưởng Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; liên kết các vùng kinh tế - xã hội, các vùng đô thị lớn, các vùng động lực và các đô thị trung tâm trên toàn quốc, gắn với hệ thống cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường sắt tốc độ cao, quốc lộ 1 và tuyến ven biển. Dọc hành lang hình thành các chuỗi và chùm đô thị lớn của quốc gia, thúc đẩy phát triển các không gian đô thị hóa tập trung, các trung tâm công nghiệp, logistics, dịch vụ và kinh tế biển; kết nối hệ thống hạ tầng chiến lược quốc gia, các cảng biển, cảng hàng không và các trung tâm logistics; phát triển các đô thị là điểm hội tụ của các hành lang Bắc - Nam và Đông - Tây, tăng cường liên kết vùng, liên vùng và lan tỏa phát triển giữa các khu vực của đất nước. Chuỗi đô thị dọc hành lang gồm Lạng Sơn, Bắc Giang, Từ Sơn, Phủ Lý, Hoa Lư, Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Vũng Áng, Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Thiết, Biên Hòa, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.

Hành lang Bắc - Nam phía Tây là trục phát triển quan trọng của không gian phía Tây đất nước, hình thành trên cơ sở đường Hồ Chí Minh và định hướng cao tốc Bắc - Nam phía Tây, kết nối các vùng trung du, miền núi, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Dọc hành lang hình thành các chuỗi đô thị Cao Bằng, Thái Nguyên, Việt Trì, Hòa Bình, Thanh Hóa, Huế, Đà Nẵng, Kon Tum, Pleiku, Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa, Đồng Xoài, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Cà Mau; phát triển các cụm đô thị gắn với vùng nguyên liệu cây công nghiệp, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, logistics và các trung tâm dịch vụ vùng; thúc đẩy liên kết vùng, gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh; kết nối các hành lang Đông - Tây, các cửa khẩu

quốc tế, cảng biển, cảng hàng không và tăng cường tác động lan tỏa của các đô thị trung tâm vùng.

Hành lang ven biển là trục phát triển kinh tế biển quốc gia và không gian động lực chiến lược của đất nước, gắn với hệ thống cảng biển quốc tế, cảng hàng không, khu kinh tế ven biển, các đô thị ven biển và hệ thống logistics; giữ vai trò kết nối các trung tâm kinh tế biển, các cửa ngõ giao thương quốc tế và các vùng động lực ven biển của quốc gia. Dọc hành lang hình thành chuỗi đô thị ven biển Móng Cái - Cẩm Phả - Quảng Yên - Hạ Long - Hải Phòng - Sầm Sơn - Thanh Hóa - Nghi Sơn - Vinh - Huế - Đà Nẵng - Hoài Nhơn - Quy Nhơn - Sông Cầu - Đông Hòa - Nha Trang - Phan Rang Tháp Chàm - Ninh Hòa - Cam Lâm - Cam Ranh - La Gi - Phan Thiết - Vũng Tàu - Cần Giuộc - Cần Đước - Trần Đề - Năm Căn - Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc; phát triển theo mô hình tích hợp “biển - đô thị - công nghiệp - dịch vụ - logistics - du lịch”, hình thành các trung tâm kinh tế biển, các cực tăng trưởng ven biển, các không gian sinh thái biển và đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

+ Các hành lang Đông - Tây

Các hành lang Đông - Tây giữ vai trò kết nối các vùng nội địa với hệ thống cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế và các hành lang kinh tế khu vực; thúc đẩy liên kết giữa Việt Nam với các quốc gia thuộc tiểu vùng sông Mekong và khu vực Đông Nam Á. Hình thành các chuỗi và chùm đô thị dọc các hành lang: Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Điện Biên - Sơn La - Phú Thọ - Hà Nội; Vũng Áng - khu vực cửa khẩu Cầu Treo/Cha Lo; Thanh Thủy - Vinh - Cửa Lò; Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng; Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn; Bờ Y - Đà Nẵng; Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa; Lâm Đồng - Khánh Hòa; Phan Thiết - Bình Thuận - Gia Nghĩa; Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu; Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau.

+ Các hành lang kinh tế - đô thị nội vùng

Hình thành các hành lang kinh tế - đô thị nội vùng gắn với các vành đai kinh tế, hành lang biên giới, hành lang công nghiệp - logistics và các vùng động lực của quốc gia, như: Vành đai kinh tế biên giới được xác định theo Vành đai 1 gắn với Quốc lộ 4 (gồm QL.4, QL.4A, QL.4B, QL.4C, QL.4D, QL.4H) và các cửa khẩu quốc tế phía Bắc; hành lang động lực dọc sông Hồng (Lào Cai - Phú Thọ - Hà Nội - Hưng Yên - Ninh Bình); các hành lang Cao Bằng - Thái Nguyên - Hà Nội; Cao Bằng - Lạng Sơn - Quảng Ninh; Hà Nội - Phú Thọ - Điện Biên; Tuyên Quang - Phú Thọ - Hà Nội; Điện Biên - Sơn La - Lào Cai - Tuyên Quang - Thái Nguyên - Lạng Sơn; Phú Yên - Đắk Lắk; Bờ Y - Kon Tum - Quảng Ngãi; Lệ Thanh - Pleiku - Quy Nhơn; Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa; Dầu Giây - Đà Lạt - Nha Trang; Bu Prăng - Gia Nghĩa - Bảo Lộc - Bình Thuận; hành lang vành đai Thành phố Hồ Chí Minh; hành lang Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai; Tây Nguyên - Đông Nam Bộ; Tây Ninh - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đô thị trung tâm chuyên ngành cấp quốc gia, cấp vùng

Phát huy tiềm năng, lợi thế nổi trội về địa chính trị, kinh tế, văn hóa, cảnh quan và môi trường của từng vùng miền; phát triển các đô thị trung tâm chuyên ngành cấp quốc gia, cấp vùng có vai trò và chức năng nổi trội về tài chính, cảng - dịch vụ logistics, công nghiệp, đổi mới sáng tạo, tri thức, đào tạo, khoa học công nghệ, du lịch, văn hóa, di sản, thể thao và kinh tế biển.

Ưu tiên phát triển các đô thị cảng biển, logistics, công nghiệp ven biển gắn với hệ thống cảng biển quốc gia, các hành lang kinh tế ven biển, trung tâm năng lượng và các khu kinh tế ven biển trọng điểm.

+ Đô thị trung tâm tài chính cấp quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; đô thị trung tâm tài chính cấp vùng tại các thành phố và các cực tăng trưởng lớn.

+ Các đô thị gắn với khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt được ưu tiên phát triển theo định hướng các đô thị chuyên ngành về công nghiệp, cảng biển, thương mại quốc tế, năng lượng, dịch vụ và kinh tế biển; là các cực tăng trưởng và cửa ngõ hội nhập quốc tế của quốc gia và vùng.

+ Đô thị trung tâm cảng - dịch vụ logistics cấp quốc gia tại Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh; đô thị trung tâm cảng - dịch vụ logistics cấp vùng tại Đà Nẵng, khu vực Vân Phong (Khánh Hòa), khu vực Trần Đề (Cần Thơ) và các đô thị có cảng biển loại I.

+ Đô thị trung tâm sân bay - dịch vụ logistics tại Long Thành (Đồng Nai), Nhật Tân - Nội Bài (Hà Nội), khu vực Gia Bình (Bắc Ninh), khu vực Cam Lâm (Khánh Hòa), khu vực Phù Cát (Gia Lai) và các khu vực có cảng hàng không quốc tế lớn.

+ Đô thị trung tâm công nghiệp, đổi mới sáng tạo cấp quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; đô thị trung tâm công nghiệp cấp vùng tại các đô thị thuộc vùng động lực, hành lang kinh tế và các khu vực có tiềm năng phát triển công nghiệp công nghệ cao.

+ Đô thị trung tâm tri thức, đào tạo, khoa học công nghệ cấp quốc gia tại Hòa Lạc, Thủ Đức, Đà Nẵng; đô thị trung tâm tri thức, đào tạo, khoa học công nghệ cấp vùng tại các đô thị trung tâm quốc gia, đô thị trung tâm vùng và các khu vực có tiềm năng phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

+ Đô thị trung tâm du lịch quốc gia tại Đà Nẵng, Hạ Long, Ninh Bình, Điện Biên Phủ, Sa Pa, Mộc Châu, Phong Nha, Lý Sơn, Hội An, Nha Trang, Quy Nhơn, Măng Đen, Phan Thiết, Đà Lạt, Phú Quốc, Côn Đảo và các đô thị có tiềm năng du lịch, hạ tầng du lịch phát triển.

+ Đô thị trung tâm văn hóa di sản có giá trị nổi bật về lịch sử, văn hóa và cảnh quan tại Huế, Ninh Bình, Hội An - Mỹ Sơn.

+ Đô thị trung tâm văn hóa, thể thao cấp quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Cần Thơ.

d) Sửa đổi, bổ sung Định hướng phát triển hệ thống đô thị vùng biên giới tại điểm d khoản 3 Điều 1 như sau:

“Phát triển hệ thống đô thị vùng biên giới gắn với các tuyến giao thông liên vận, các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính và các khu kinh tế cửa khẩu; hình thành các chuỗi đô thị biên giới có vai trò là cửa ngõ giao thương, trung tâm logistics, thương mại, dịch vụ và hợp tác quốc tế của quốc gia và vùng; kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo vệ quốc phòng, an ninh.

Tăng cường liên kết giữa các đô thị, điểm dân cư nông thôn và khu vực cửa khẩu; thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, kho bãi thuế quan, logistics, du lịch và công nghiệp chế biến gắn với kinh tế cửa khẩu; đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn bản sắc văn hóa vùng biên và phát huy vai trò là các cửa ngõ quốc gia trong kết nối quốc tế và hội nhập khu vực.

Ưu tiên phát triển các hành lang đô thị biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia gắn với hệ thống giao thông chiến lược, hành lang kinh tế quốc tế và các cực tăng trưởng mới; phát huy vai trò của các đô thị cửa khẩu, đô thị trung tâm vùng biên và các khu kinh tế cửa khẩu trong liên kết vùng, phát triển kinh tế biên mậu và mở rộng hợp tác quốc tế.

Khuyến khích phát triển các không gian đô thị gắn với các mô hình hợp tác kinh tế qua biên giới và các cơ chế phát triển phù hợp; góp phần nâng cao vai trò của các đô thị biên giới trong kết nối quốc tế, phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh”.

đ) Sửa đổi, bổ sung định hướng quy hoạch hệ thống nông thôn tại điểm đ khoản 3 Điều 1 như sau:

“- Định hướng phát triển nông thôn

+ Tổ chức khu vực nông thôn đồng bộ với tổ chức mạng lưới đô thị trong cấu trúc tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, là bộ phận hữu cơ của mô hình phát triển “cực - vùng - hành lang - mạng lưới”; bảo đảm liên kết chặt chẽ giữa các không gian đô thị và nông thôn, giữa các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế - đô thị, các vùng sinh thái và mạng lưới hạ tầng chiến lược quốc gia.

+ Phát triển nông thôn theo mô hình đa chức năng, vừa là không gian cư trú, sản xuất, sinh thái, cảnh quan và văn hóa; vừa là không gian hỗ trợ, chuyển tiếp và dự trữ phát triển trong cấu trúc hệ thống đô thị và nông thôn. Khu vực nông thôn được tổ chức theo hướng hiện đại, xanh, thích ứng biến đổi khí hậu, có hạ tầng và dịch vụ từng bước tiệm cận khu vực đô thị; đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, cấu trúc làng xã truyền thống, không gian sinh thái và các giá trị đặc trưng vùng miền.

+ Tổ chức không gian khu vực nông thôn theo các lớp không gian chức năng gồm: Khu vực phát triển đô thị trong xã; khu vực dân cư nông thôn gắn với vùng sinh thái nông nghiệp; khu vực dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn; khu vực chuyển tiếp đô thị - nông thôn (xã ven đô); các không gian sinh thái, cảnh quan, dự trữ phát triển và bảo vệ môi trường.

+ Tăng cường liên kết giữa khu vực đô thị và nông thôn thông qua kết nối hạ tầng kỹ thuật, tổ chức các chức năng tương hỗ trong hoạt động kinh tế - xã hội; phát

triển hài hòa giữa các khu vực xây dựng, sản xuất nông nghiệp, sinh thái và bảo tồn văn hóa; sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên và hạ tầng.

- Khu vực phát triển đô thị trong xã

+ Tổ chức các khu vực phát triển đô thị trong xã tại các trung tâm xã, các khu vực có yếu tố đô thị, các thị trấn trước đây, các khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng, dịch vụ, giao thông và động lực phát triển kinh tế; từng bước hình thành các hạt nhân phát triển mới, trung tâm dịch vụ công cộng và trung tâm hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cấp cơ sở.

+ Phát triển không gian đô thị hóa tại các khu vực có khả năng kết nối thuận lợi với các đô thị trung tâm, vùng đô thị lớn, hành lang kinh tế - đô thị và các trục hạ tầng chiến lược quốc gia; ưu tiên các khu vực có tiềm năng phát triển công nghiệp, dịch vụ, logistics, du lịch, thương mại và kinh tế phi nông nghiệp.

+ Trung tâm xã được tổ chức theo mô hình đa chức năng, tích hợp các chức năng hành chính, thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và các thiết chế văn hóa; đóng vai trò là hạt nhân tổ chức không gian của xã mới sau sắp xếp, đầu mối kết nối các khu dân cư nông thôn và các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn.

+ Các thị trấn trước sáp nhập được rà soát, tái cấu trúc và phát huy vai trò là các lõi trung tâm cấp cơ sở, trung tâm hành chính - dịch vụ - thương mại - logistics hoặc trung tâm hỗ trợ phát triển sản xuất; góp phần duy trì động lực phát triển tại địa phương.

+ Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng số và các dịch vụ công cộng phù hợp với mức độ đô thị hóa, quy mô dân cư và vai trò của từng khu vực; từng bước nâng cao điều kiện sống, khả năng tiếp cận dịch vụ và chất lượng môi trường sống tiệm cận khu vực đô thị.

+ Kiểm soát phát triển xây dựng, chuyển đổi đất đai và mở rộng không gian dân cư; hạn chế phát triển dàn trải, đô thị hóa tự phát, thiếu hạ tầng và chia cắt không gian sản xuất, sinh thái; bảo đảm sử dụng hiệu quả đất đai, bảo vệ môi trường và quỹ đất dự trữ phát triển lâu dài. Tổ chức khu dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm hình thái sản xuất nông nghiệp theo từng vùng kinh tế - xã hội.

+ Khuyến khích phát triển đô thị trên cơ sở nâng cấp các khu dân cư nông thôn tập trung có điều kiện thuận lợi về hạ tầng, tích tụ dân cư, dịch vụ và kinh tế phi nông nghiệp; từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị theo quy định pháp luật, phù hợp với khả năng phát triển của từng khu vực.

- Khu vực dân cư nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp

+ Tổ chức khu dân cư nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, vùng sinh thái nông nghiệp, đặc điểm dân cư, tập quán cư trú và sinh kế của từng khu vực; gắn với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, trung tâm chế biến và logistics nông sản. Phát triển kinh tế nông thôn đa giá trị trên nền tảng nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số; bảo vệ đất nông nghiệp, tài nguyên nước, rừng, mặt nước và các hệ sinh thái đặc thù.

+ Bố trí, sắp xếp khu dân cư nông thôn theo hướng tập trung thành các khu, cụm, tuyến dân cư phù hợp với điều kiện địa hình, sinh kế và hạ tầng; bảo đảm quỹ đất dành cho sản xuất, thuận tiện kết nối giao thông, thích ứng thiên tai và biến đổi khí hậu, từng bước nâng cao điều kiện sống của người dân.

+ Bảo tồn và phát huy cấu trúc làng xã truyền thống, không gian cộng đồng, di sản văn hóa, tín ngưỡng, cảnh quan đặc trưng và bản sắc địa phương; phục hồi và phát triển các làng nghề truyền thống, làng văn hóa, không gian sinh hoạt cộng đồng gắn với phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng và công nghiệp văn hóa.

+ Phát triển các mô hình khu dân cư nông thôn sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp phục vụ đô thị và các mô hình sản xuất thích ứng biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, giá trị gia tăng và thu nhập cho người dân.

+ Hình thành các khu dân cư nông thôn gắn với vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi, logistics và các trung tâm hỗ trợ sản xuất.

+ Phát triển mô hình khu dân cư nông thôn kết hợp du lịch sinh thái, du lịch canh nông, du lịch cộng đồng, kinh tế thủy sản và dịch vụ sinh thái; khai thác hợp lý cảnh quan tự nhiên, mặt nước, rừng, hệ sinh thái ven biển và các giá trị văn hóa bản địa để phát triển sinh kế bền vững.

+ Chủ động di dời, sắp xếp dân cư tại các khu vực có nguy cơ thiên tai, sạt lở, lũ quét, ngập lũ, xâm nhập mặn và khu vực không bảo đảm an toàn; kết hợp ổn định dân cư với phát triển kinh tế - quốc phòng tại khu vực miền núi, biên giới, ven biển và hải đảo.

+ Tăng cường liên kết giữa khu dân cư nông thôn với hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm logistics và các hành lang kinh tế; từng bước hình thành mạng lưới dân cư nông thôn có khả năng kết nối, thích ứng và tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị sản xuất và dịch vụ.

- Khu vực dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn

+ Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản, logistics nông sản, thương mại, dịch vụ và đổi mới sáng tạo gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng chuyên canh, các cụm sản xuất nông nghiệp và các tuyến kết nối liên vùng.

+ Phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, trung tâm thương mại, dịch vụ logistics và các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp phù hợp với điều kiện từng vùng; thúc đẩy liên kết giữa người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và thị trường.

+ Tổ chức không gian phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp gắn với hệ thống giao thông, thủy lợi, năng lượng, hạ tầng số và các trung tâm hỗ trợ sản xuất;

nâng cao khả năng tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng và chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn.

+ Hình thành các cụm sản xuất, chế biến và logistics nông sản gắn với các tuyến giao thông chiến lược, hành lang kinh tế và khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng; phát triển công nghiệp chế biến sâu, bảo quản và phân phối nông sản quy mô lớn.

+ Phát triển các mô hình kinh tế nông thôn mới như du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, kinh tế biển, kinh tế thủy sản, dịch vụ sinh thái, kinh tế tuần hoàn và các sản phẩm OCOP; tạo sinh kế bền vững, đa dạng hóa việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Tăng cường liên kết giữa khu vực nông thôn với đô thị, khu công nghiệp, trung tâm logistics, khu du lịch và các vùng động lực phát triển; phát huy vai trò của khu vực nông thôn trong cung cấp dịch vụ, lao động, sản phẩm nông nghiệp, không gian sinh thái và hỗ trợ phát triển đô thị.

+ Khuyến khích phát triển các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn; thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, thương mại điện tử, kinh tế số và các mô hình kinh doanh mới tại khu vực nông thôn.

- Khu vực chuyển tiếp đô thị - nông thôn (xã ven đô)

+ Hình thành các không gian chuyển tiếp đô thị - nông thôn làm vùng đệm, không gian tích hợp và dự trữ phát triển giữa khu vực đô thị và nông thôn; bảo đảm chuyển tiếp linh hoạt giữa không gian xây dựng, không gian mở, không gian sinh thái và không gian sản xuất.

+ Tổ chức các khu vực nông thôn ven đô theo mô hình đô thị - nông thôn tích hợp, đa chức năng; phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sinh thái, dịch vụ, du lịch, công nghiệp văn hóa và các hoạt động kinh tế phù hợp với mức độ đô thị hóa.

+ Hình thành các vành đai xanh, hành lang sinh thái, không gian mở và vùng sản xuất nông nghiệp tại các khu vực ven đô, ven sông, ven biển và các khu vực chịu áp lực phát triển cao; kiểm soát đô thị hóa lan tỏa, hạn chế phát triển nhà ở tự phát và bảo vệ cảnh quan môi trường.

+ Tăng cường liên kết giữa khu vực nông thôn ngoại vi với đô thị trung tâm về hạ tầng, giao thông, việc làm, dịch vụ, giáo dục, y tế và chuỗi cung ứng; từng bước phát triển các khu dân cư nông thôn có điều kiện sống, dịch vụ xã hội và hạ tầng kỹ thuật tiệm cận khu vực đô thị.

+ Khu vực nông thôn trong các vùng đô thị lớn và các thành phố phát triển theo hướng cộng sinh đô thị - nông thôn; chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, dịch vụ văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các ngành kinh tế sáng tạo; giảm tác động tiêu cực từ đô thị hóa đối với môi trường và không gian sinh thái nông thôn.

+ Đối với các khu vực nông thôn có yếu tố đô thị, tổ chức theo hướng không gian trung gian, đa chức năng, tích hợp giữa dân cư, sản xuất, dịch vụ và các chức

năng hỗ trợ đô thị; làm cơ sở hình thành các khu vực phát triển đô thị khi đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật.

+ Kiểm soát chặt chẽ chuyển đổi đất đai, phát triển xây dựng và mở rộng không gian dân cư; bảo vệ đất nông nghiệp, không gian sinh thái, mặt nước, cảnh quan và các vùng dự trữ phát triển; hạn chế xu hướng đô thị hóa lan tỏa, phát triển thiếu kiểm soát và suy giảm chất lượng môi trường nông thôn.

- Bảo vệ không gian sinh thái và môi trường nông thôn

+ Bảo vệ các không gian sinh thái chiến lược trong khu vực nông thôn, gồm: Rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, hành lang sinh thái, lưu vực sông, vùng đất ngập nước, vùng ven biển, rừng ngập mặn, mặt nước tự nhiên và các hệ sinh thái đặc thù.

+ Kiểm soát đô thị hóa lan tỏa vào khu vực nông thôn; bảo vệ đất nông nghiệp, không gian sản xuất, cảnh quan và các vùng sinh thái nhạy cảm; hình thành vành đai xanh, hành lang sinh thái và không gian đệm, đặc biệt tại vùng ven đô, ven biển, ven sông và các khu vực chịu áp lực phát triển cao.

+ Lòng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên nước, thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn và suy thoái hệ sinh thái trong tổ chức không gian nông thôn; từng bước di dời dân cư khỏi các khu vực có nguy cơ thiên tai cao, không bảo đảm an toàn.

+ Cải thiện vệ sinh môi trường khu dân cư nông thôn; bảo vệ nguồn nước, khơi thông dòng chảy, tăng diện tích cây xanh sử dụng công cộng và cây xanh trên các tuyến đường nông thôn; phát triển hạ tầng xử lý chất thải, nước thải phù hợp với điều kiện từng vùng.

+ Bảo vệ các vùng chuyên canh, vùng sản xuất nông nghiệp, vùng nuôi trồng thủy sản và khu vực có giá trị sinh thái, cảnh quan đặc thù; hạn chế phát triển xây dựng tại các khu vực nhạy cảm về môi trường và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

- Tổ chức không gian nông thôn theo vùng sinh thái

+ Vùng trung du và miền núi phía Bắc phát triển theo mô hình làng sinh thái gắn với đặc điểm địa hình, cảnh quan và văn hóa các dân tộc; kết hợp nông - lâm nghiệp, bảo vệ rừng, kinh tế dược liệu, du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái. Hình thành các khu dân cư nông thôn tập trung gắn với vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu và công nghiệp chế biến nông, lâm sản; từng bước tham gia các mô hình kinh tế xanh, thị trường tín chỉ carbon. Tổ chức sắp xếp dân cư tại các khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét, thiên tai cao; kết hợp ổn định dân cư với phát triển kinh tế - quốc phòng khu vực biên giới.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp phục vụ đô thị; gắn với hiện đại hóa hạ tầng nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Bảo tồn cấu trúc làng xã truyền thống, không gian văn hóa và cảnh quan đặc trưng; hạn chế đô thị hóa tại các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao. Hình thành các khu dân cư nông thôn đa chức năng gắn với dịch vụ, du lịch nông thôn, công nghiệp văn hóa và các hoạt động kinh

tế phi nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc biệt tại khu vực ven đô Hà Nội và vùng phía Nam Đồng bằng sông Hồng.

+ Vùng Bắc Trung Bộ phát triển khu dân cư nông thôn gắn với vùng chuyên canh cây công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ hậu cần và du lịch; tăng cường liên kết giữa khu dân cư nông thôn với các đô thị và khu du lịch ven biển. Khu vực miền núi phía Tây ưu tiên bảo tồn các làng nghề, di sản văn hóa, cảnh quan truyền thống và phát triển du lịch cộng đồng; phục hồi rừng, bảo vệ khu dân cư nông thôn thích ứng với thiên tai, bão lũ và biến đổi khí hậu.

+ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên phát triển khu dân cư nông thôn gắn với kinh tế biển, dịch vụ hậu cần nghề cá, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến, logistics nông sản và du lịch sinh thái, du lịch văn hóa. Khu vực ven biển tổ chức lại không gian dân cư, sản xuất và sinh kế gắn với bảo vệ hệ sinh thái ven biển, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn; nâng cao khả năng chống chịu thiên tai, hạn hán, xâm thực và nước biển dâng. Khu vực Tây Nguyên phát triển mô hình làng sinh thái phù hợp với cảnh quan cao nguyên và văn hóa các dân tộc; kết hợp bảo vệ rừng đầu nguồn, tài nguyên nước, phát triển nông - lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu và chế biến sâu nông sản; tăng cường liên kết giữa khu vực nông thôn với hệ thống đô thị để bảo đảm cung cấp dịch vụ cơ bản và nâng cao chất lượng sống.

+ Vùng Đông Nam Bộ phát triển hạ tầng nông thôn đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ cao và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Hạn chế đô thị hóa tại các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm và vùng sinh thái quan trọng. Hình thành các khu dân cư nông thôn đa chức năng gắn với bảo tồn hệ sinh thái ngập nước, phát triển ngư nghiệp, dịch vụ, du lịch sinh thái và kinh tế ven sông, ven biển tại khu vực Cần Giờ và hạ lưu sông Đồng Nai - Sài Gòn.

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức không gian nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sụt lún và nước biển dâng; phát triển dân cư nông thôn an toàn gắn với các tiểu vùng sinh thái (ngọt, lợ, mặn). Phát triển vùng chuyên canh lúa chất lượng cao giảm phát thải, cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản quy mô lớn và kinh tế nông nghiệp sinh thái; hình thành các trung tâm hỗ trợ sản xuất, chế biến và logistics nông sản. Bảo tồn cảnh quan sông nước, miệt vườn, rừng ngập mặn và không gian văn hóa đặc trưng; phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Xây dựng các khu dân cư nông thôn thích ứng với lũ, kết hợp tích trữ và điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh và cải thiện môi trường trong mùa khô.”

e) Sửa đổi, bổ sung định hướng tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật quốc gia tại điểm e khoản 3 Điều 1 như sau:

“e) Định hướng tổ chức hệ thống kết cấu hạ tầng

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

+ Định hướng chung:

Tổ chức hệ thống kết cấu hạ tầng giữ vai trò dẫn dắt hình thành các cực tăng trưởng, các vùng đô thị lớn, các hành lang kinh tế - đô thị và hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng đồng bộ, hiện đại, đi trước một bước, gắn với các vùng động lực, các đô thị trung tâm và các hành lang phát triển; bảo đảm liên kết hiệu quả giữa cấp quốc gia - vùng - đô thị - nông thôn, đồng thời nâng cao khả năng hội nhập quốc tế; tổ chức đồng bộ với không gian vùng trời, tỉnh không hàng không và hệ thống cảng hàng không, sân bay, hài hòa giữa yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh và nhu cầu phát triển hàng không dân dụng, phù hợp với định hướng phát triển vận tải hàng không tầm thấp theo quy định pháp luật.

Chuyển từ tiếp cận phát triển hạ tầng theo ngành, lĩnh vực sang tiếp cận tích hợp với tổ chức không gian phát triển, trong đó: i) Hạ tầng trục và hành lang là khung cấu trúc quốc gia; ii) Hạ tầng liên kết vùng và đô thị là công cụ tổ chức mạng lưới đô thị và nông thôn; iii) Hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn là nền tảng nâng cao chất lượng không gian sống; iv) Hạ tầng năng lượng, hạ tầng số và hạ tầng xanh là nền tảng cho chuyển đổi mô hình phát triển.

Phát triển hạ tầng theo hướng xanh, thông minh, tiết kiệm tài nguyên, thích ứng biến đổi khí hậu; thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng sống và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ưu tiên phát triển hạ tầng kết nối đa phương thức tại các đô thị cửa khẩu, gắn kết giữa đường bộ, đường sắt, cảng cạn, logistics và hệ thống cửa khẩu quốc tế.

+ Hạ tầng trục và hành lang:

Hệ thống hạ tầng giao thông quốc gia giữ vai trò khung kết nối các vùng động lực, vùng đô thị lớn, các hành lang kinh tế - đô thị và các đầu mối hạ tầng chiến lược. Trọng tâm phát triển gồm: trục Bắc - Nam phía Đông; hệ thống đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; các hành lang kinh tế quốc gia, đặc biệt là hành lang Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hà Nội - Lạng Sơn và trục Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu; các tuyến vành đai, trục hướng tâm, tuyến kết nối cảng biển, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu quốc tế và các trung tâm logistics.

Phát triển hệ thống giao thông theo hướng đa phương thức, đồng bộ, liên thông; tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn; gắn kết với hệ thống cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu, trung tâm logistics, các đầu mối thương mại và phân phối hàng hóa; hình thành các hành lang kinh tế - đô thị và các không gian phát triển tập trung. Gắn phát triển đô thị với các tuyến hạ tầng chiến lược, các đầu mối giao thông lớn và phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD); ưu tiên các hành lang kết nối cửa khẩu, cảng biển, sân bay, trung tâm logistics và các hành lang Đông - Tây kết nối vùng trung du, miền núi, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long với các trung tâm kinh tế lớn. Đồng thời, ưu tiên bố trí quỹ đất và gắn kết không gian phát triển đô thị với đầu tư hệ thống cảng hàng không, cảng cạn (ICD) và hạ tầng logistics tại các tỉnh miền núi, biên giới nhằm tăng cường kết nối, mở rộng không gian phát triển và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

+ Hạ tầng liên kết vùng và đô thị:

Tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật liên kết vùng và đô thị giữ vai trò khung cấu trúc tổ chức mạng lưới đô thị, không gian đô thị và nông thôn; bảo đảm kết nối giữa các đô thị trung tâm, các cực tăng trưởng, các khu vực nông thôn và các đầu mối hạ tầng chiến lược.

+ Hạ tầng giao thông đô thị:

Phát triển mạng lưới giao thông đô thị tương xứng theo quy mô, loại và chức năng của từng đô thị; tổ chức mạng lưới đường đô thị theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và xây dựng đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Chú trọng kết nối giao thông đô thị với hệ thống giao thông cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; hình thành các tuyến tránh đô thị; các tuyến vành đai nhằm giảm tải cho khu vực trung tâm và tăng khả năng kết nối liên vùng.

Phát triển đa dạng hệ thống vận tải hành khách công cộng; ưu tiên hệ thống vận tải khối lượng lớn gắn với phát triển đô thị theo mô hình TOD tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và các đô thị quy mô trên 1 triệu người.

Chú trọng phát triển giao thông công cộng, khuyến khích giao thông phi cơ giới; từng bước kiểm soát phương tiện cá nhân; tăng tỷ lệ phương tiện thân thiện môi trường.

+ Hạ tầng thoát nước mưa, chống ngập: Tổ chức theo lưu vực và phân vùng thoát nước phù hợp đặc điểm địa hình, cốt nền; kiểm soát tình trạng ngập úng; duy trì và phát triển hệ thống hồ điều hòa kết hợp cảnh quan; khuyến khích tái sử dụng nước mưa, hướng tới mô hình quản lý thoát nước bền vững.

+ Hạ tầng cung cấp nước sạch: Ưu tiên khai thác nguồn nước mặt; hạn chế khai thác nước ngầm, đặc biệt tại các đô thị loại II trở lên và các vùng đồng bằng. Phân vùng cấp nước theo các công trình cấp nước quy mô lớn; tăng cường liên kết cấp nước giữa đô thị - khu công nghiệp và nông thôn. Ứng dụng hệ thống đo lường, cảm biến, cơ sở dữ liệu và công nghệ số trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước.

+ Hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải: Quy hoạch nguồn tiếp nhận và vị trí xả thải theo từng khu vực đô thị và khu vực nông thôn; bảo đảm khả năng tự làm sạch của nguồn nước, không ảnh hưởng đến cấp nước sinh hoạt và các mục đích sử dụng khác.

+ Hạ tầng chất thải rắn và nghĩa trang: Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn; tăng cường tái sử dụng, tái chế; giảm dần tỷ lệ chôn lấp trực tiếp; quản lý và xử lý triệt để chất thải nguy hại. Phát triển các khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng, liên tỉnh với công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, gắn với mô hình kinh tế tuần hoàn. Quy hoạch và đầu tư nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các tiêu chuẩn môi trường.

+ Hạ tầng năng lượng, hạ tầng số và hạ tầng xanh:

Phát triển hạ tầng năng lượng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm cung ứng ổn định, an toàn cho các vùng đô thị lớn, hành lang kinh tế - đô thị, khu công nghiệp, trung

tâm logistics và các khu vực phát triển động lực; khuyến khích sử dụng năng lượng hiệu quả, năng lượng tái tạo và tích hợp với hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn.

Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại; phổ cập hạ tầng băng rộng và mạng di động thế hệ mới đến khu vực đô thị và nông thôn; phục vụ phát triển đô thị thông minh, chuyển đổi số nông thôn, quản lý đô thị, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế số.

Phát triển hạ tầng xanh, không gian cây xanh, mặt nước, hành lang sinh thái và các giải pháp hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển hệ thống chiếu sáng đô thị theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng và thông minh, góp phần nâng cao chất lượng môi trường và không gian đô thị, nông thôn.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

+ Định hướng chung:

Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, phù hợp với tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn, mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy mô dân cư và yêu cầu phát triển của từng vùng, từng địa phương.

Tổ chức mạng lưới hạ tầng xã hội theo hướng đa cấp, đa trung tâm; gắn với hệ thống giao thông công cộng, không gian công cộng, hạ tầng số, các trung tâm đô thị, trung tâm xã, hành lang phát triển và các khu vực có tốc độ đô thị hóa cao; bảo đảm khả năng tiếp cận thuận lợi đối với người dân.

Khuyến khích phát triển các tổ hợp đa chức năng kết hợp dịch vụ xã hội, văn hóa, thương mại và không gian công cộng; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và nông thôn xanh, thông minh và thích ứng với biến đổi cơ cấu dân số, lao động.

+ Định hướng tổ chức mạng lưới hạ tầng xã hội:

Tổ chức mạng lưới hạ tầng xã hội theo hướng phân cấp, liên kết và chia sẻ giữa các đô thị, khu vực nông thôn và các trung tâm dịch vụ; bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu về nhà ở, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và khoa học công nghệ phù hợp với phân bố dân cư và tổ chức không gian đô thị, nông thôn.

Phát triển hệ thống nhà ở, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và khoa học công nghệ gắn với hệ thống đô thị trung tâm, vùng động lực, khu công nghiệp, khu kinh tế và các khu vực phát triển tập trung; nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và các địa bàn khó khăn.

Khuyến khích phát triển các trung tâm dịch vụ xã hội đa chức năng, ứng dụng công nghệ số và mô hình quản lý thông minh; ưu tiên đầu tư hạ tầng xã hội tại các khu vực đô thị hóa nhanh, khu vực thiếu hụt dịch vụ cơ bản và vùng chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nhằm nâng cao chất lượng sống và giảm chênh lệch tiếp cận dịch vụ giữa các vùng, miền.”.

g) Bổ sung định hướng liên kết đô thị - nông thôn tại mục i khoản 3 Điều 1 như sau:

“Tăng cường liên kết đô thị - nông thôn, liên kết vùng và liên kết ngành theo cấu trúc không gian và mạng lưới chức năng; tổ chức các không gian chuyên tiếp đô thị - nông thôn, bảo vệ không gian nông nghiệp, hành lang sinh thái và thúc đẩy phát triển đô thị thông minh, nông thôn thông minh, hạ tầng số đồng bộ thích ứng với biến đổi khí hậu. Gắn kết đô thị - nông thôn thông qua các chuỗi giá trị kinh tế và không gian sản xuất - dịch vụ; phát triển các không gian công nghiệp, logistics, đổi mới sáng tạo gắn với vùng nông thôn và vùng phụ cận đô thị; tăng cường vai trò lan tỏa của các đô thị trung tâm, nâng cao khả năng tiếp cận hạ tầng, dịch vụ và thị trường của khu vực nông thôn, bảo đảm phân bổ hợp lý các chức năng sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt trong không gian đô thị và nông thôn.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 1 như sau:

“ Việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn được thực hiện theo lộ trình phù hợp với từng giai đoạn, bảo đảm tính kế thừa, linh hoạt và hiệu quả, gắn với tổ chức không gian và khả năng huy động nguồn lực.

Năm 2026: Hoàn thiện, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện phân loại đô thị trên phạm vi toàn quốc đến năm 2030; tiếp tục triển khai các chương trình, dự án đã được phê duyệt.

Năm 2027: Hoàn thiện, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chương trình quốc gia về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái phát triển và phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

Đến năm 2030: Tập trung hoàn thiện khung cấu trúc hệ thống đô thị và nông thôn; xác lập vai trò các đô thị trung tâm, các vùng đô thị lớn và các hành lang kinh tế - đô thị; tăng cường liên kết đô thị - nông thôn, nâng cao năng lực kết nối và khả năng lan tỏa phát triển.

Việc tổ chức thực hiện tại địa phương được triển khai theo từng giai đoạn, gắn với khả năng huy động nguồn lực, định hướng không gian và đặc điểm từng khu vực; bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với định hướng chung của hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 như sau:

“- Về cơ chế, chính sách:

+ Xây dựng, hoàn thiện thể chế, quy định pháp luật tạo hành lang pháp lý để tổ chức, quản lý phát triển hệ thống đô thị và nông thôn theo cấu trúc không gian phát triển tổng thể; chuyển từ quản lý theo địa giới hành chính sang quản lý theo không gian chức năng, theo mạng lưới liên kết và dữ liệu.

+ Hoàn thiện cơ chế điều phối phát triển theo các vùng đô thị lớn, các thành phố và các hành lang kinh tế - đô thị; tăng cường liên kết vùng, liên vùng và liên kết đô thị - nông thôn.

+ Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với các cực tăng trưởng, thành phố, vùng đô thị lớn, khu vực đô thị hóa nhanh; thúc đẩy phát triển các đô thị trung gian, các không gian lan tỏa và các khu vực nông thôn động lực.

+ Đổi mới cơ chế quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở và thị trường bất động sản; nâng cao hiệu quả khai thác không gian đô thị và hạ tầng.

+ Tăng cường phân cấp, phân quyền; thực hiện mô hình chính quyền đô thị theo quy định; đồng thời thiết lập cơ chế phối hợp quản lý theo không gian phát triển.

- Về nguồn lực thực hiện quy hoạch:

+ Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

+ Ưu tiên bố trí nguồn lực theo các không gian động lực, gồm các cực tăng trưởng, thành phố, vùng đô thị lớn, hành lang kinh tế - đô thị, đô thị trung gian và các khu vực có khả năng lan tỏa cao.

+ Phát triển đa dạng các hình thức huy động vốn, thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP), tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân; khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, không gian phát triển và thị trường bất động sản.

+ Định hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào hệ thống hạ tầng chiến lược, hạ tầng kết nối vùng, hạ tầng số và các công trình hạ tầng động lực.

- Về khoa học, công nghệ và môi trường:

+ Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, nền tảng dữ liệu không gian thống nhất và mô hình số phục vụ công tác quy hoạch, quản lý, điều hành; bước đầu phát triển hệ thống giám sát, đánh giá thực hiện quy hoạch trên cơ sở dữ liệu. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ trong quản lý và phát triển đô thị và nông thôn; thúc đẩy quản trị đô thị dựa trên dữ liệu, tăng cường kết nối, chia sẻ và thống nhất quản lý thông tin phát triển đô thị, nông thôn trên cơ sở hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, GIS, viễn thám trong quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị, nông thôn.

+ Tăng cường quản lý, cải thiện và phục hồi chất lượng môi trường đô thị và nông thôn thông qua kiểm soát các nguồn thải, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, bảo vệ tài nguyên nước, đất, không khí và hệ sinh thái tự nhiên.

+ Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống hạ tầng và không gian phát triển. Lồng ghép đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai trong quy hoạch và phát triển đô thị, nông thôn.

- Về phát triển nguồn nhân lực:

+ Nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, nông thôn theo tiếp cận không gian phát triển, mạng lưới và liên kết vùng, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

+ Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về quản lý đô thị, phát triển vùng đô thị lớn, hành lang kinh tế - đô thị, đô thị thông minh, đô thị xanh, chuyển đổi số và thích ứng biến đổi khí hậu cho đội ngũ cán bộ các cấp.

- Về tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch:

+ Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định; xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch phù hợp với phân kỳ phát triển và khả năng huy động nguồn lực.

+ Tăng cường phối hợp giữa các ngành, địa phương và các cấp chính quyền trong tổ chức thực hiện quy hoạch; bảo đảm liên kết giữa phát triển đô thị và nông thôn, giữa hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và sử dụng đất.

+ Đẩy mạnh ứng dụng cơ sở dữ liệu số, hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các nền tảng số trong theo dõi, giám sát, cập nhật và quản lý thực hiện quy hoạch; thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển.”.

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 2 như sau:

“Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức triển khai các nhiệm vụ thực hiện quy hoạch, đảm bảo kịp thời chất lượng và hiệu quả.”.

6. Thay cụm từ, bổ sung cụm từ, bỏ cụm từ tại một số điều khoản sau:

- Tại điểm a khoản 2 Điều 1, thay thế, bổ sung một số cụm từ như sau:

+ Bổ sung cụm từ “đa trung tâm, đa cực gắn với cấu trúc cực - vùng - hành lang - mạng lưới” vào sau cụm từ “mô hình mạng lưới” tại nội dung phát triển hệ thống đô thị;

+ Bổ sung cụm từ “, đường sắt” vào sau cụm từ “đường hàng không” tại nội dung tổ chức không gian phát triển đô thị, nông thôn gắn kết với hệ thống kết cấu hạ tầng;

+ Thay thế cụm từ “sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023 - 2030” bằng cụm từ “tổ chức chính quyền địa phương hai cấp” tại nội dung phát triển đô thị, nông thôn phù hợp với các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 1, thực hiện thay thế cụm từ “ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14” bằng “Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15”.

- Tại điểm b khoản 3 Điều 1, thay thế và bỏ các cụm từ như sau:

+ Thay thế cụm từ “với đô thị vừa và nhỏ cấp huyện” bằng “với mạng lưới đô thị” tại nội dung phát triển khu dân cư nông thôn;

+ Bỏ cụm từ “cấp huyện”.

- Tại điểm d khoản 3 Điều 1, thay thế và bỏ các cụm từ như sau:

+ Bỏ cụm từ “huyện lỵ” và “Nam Định”;

+ Thay cụm từ “Thái Bình” thành “Hung Yên”;

+ Thay cụm từ “Quảng Bình” thành “Quảng Trị”;

+ Thay cụm từ “Quảng Nam” thành “Đà Nẵng”;

+ Thay cụm từ “Thừa Thiên Huế” thành “Huế”

- + Thay cụm từ “hệ thống đô thị của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” thành “hệ thống đô thị ven biển của Thành phố Hồ Chí Minh”;
- + Thay cụm từ “Vùng Tây Nam Bộ” thành “Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long”;
- + Thay cụm từ “thành phố” thành “đô thị”
- Tại điểm g khoản 3 Điều 1, bỏ từ “huyện”.

7. Các nội dung không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Sửa đổi tên “Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” đã được phê duyệt tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ thành “Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Công an, Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao, Y tế, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- BXD: PTĐT, QHKT, KCHTXD, KHTC; PC;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tường Văn

**PHỤ LỤC I**

(kèm theo Quyết định số 836 /QĐ-BXD ngày 01 / 6 /2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Phụ lục này thay thế phụ lục I kèm theo Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày
22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ

KHUNG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ ĐẾN NĂM 2030**I. Danh mục vùng đô thị lớn đến năm 2030**

<i>TT</i>	<i>Vùng đô thị lớn</i>	<i>Vùng kinh tế - xã hội</i>
1	Vùng đô thị Hà Nội	Vùng Đồng bằng sông Hồng; vùng Trung du và miền núi phía Bắc
2	Vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh	Vùng Đông Nam Bộ
3	Vùng đô thị Đà Nẵng - Huế	Vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên; Vùng Bắc Trung bộ
4	Vùng đô thị Cần Thơ	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

II. Danh mục các đô thị loại đặc biệt và loại I dự kiến đến năm 2030

<i>TT</i>	<i>Đô thị</i>	<i>Loại đô thị</i>	<i>Vai trò, chức năng</i>
1	Hà Nội	Đặc biệt	Thủ đô; trung tâm tổng hợp quốc gia, quốc tế; cực tăng trưởng quốc gia; trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng; cực tăng trưởng vùng động lực phía Bắc
2	Thành phố Hồ Chí Minh	Đặc biệt	Trung tâm tổng hợp quốc gia, quốc tế; cực tăng trưởng quốc gia; trung tâm vùng Đông Nam Bộ; cực tăng trưởng vùng động lực phía Nam
3	Cần Thơ	Loại I	Trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp; trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long; cực tăng trưởng vùng động lực Đồng bằng sông Cửu Long
4	Hải Phòng	Loại I	Trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp; trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng
5	Huế	Loại I	Trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp; trung tâm vùng Bắc Trung bộ
6	Đà Nẵng	Loại I	Trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp; trung tâm vùng Duyên hải Nam trung bộ và Tây Nguyên; cực tăng trưởng vùng động lực Miền trung
7	Đồng Nai	Loại I	Trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp; trung tâm vùng Đông Nam bộ
8	Quảng Ninh*	Loại I	Trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp; trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng
9	Bắc Ninh*	Loại I	Trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp; cực tăng trưởng vùng Đồng bằng sông Hồng

<i>TT</i>	<i>Đô thị</i>	<i>Loại đô thị</i>	<i>Vai trò, chức năng</i>
10	Ninh Bình*	Loại I	Trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp
11	Khánh Hoà*	Loại I	Trung tâm quốc gia, chức năng tổng hợp; trung tâm vùng Duyên hải Nam trung bộ và Tây Nguyên
	Việc xem xét, bổ sung các tỉnh khác khi có đủ điều kiện, tiêu chí thực hiện theo định hướng của cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật có liên quan.		

Ghi chú:

- (*): Đô thị loại I dự kiến.

- Đối với thành phố, phương án quy hoạch hệ thống đô thị thực hiện theo quy hoạch thành phố và quy hoạch chung thành phố được phê duyệt.

III. Danh mục các đô thị loại II dự kiến đến năm 2030

<i>TT</i>	<i>Tên đô thị</i>	<i>Tỉnh/thành phố</i>	<i>Vai trò, chức năng</i>
I	VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC		
1	Tuyên Quang	Tuyên Quang	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
2	Hà Giang	Tuyên Quang	Cực tăng trưởng của tỉnh
3	Cao Bằng	Cao Bằng	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
4	Lai Châu	Lai Châu	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
5	Yên Bái	Lào Cai	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
6	Sa Pa	Lào Cai	Cực tăng trưởng của tỉnh
7	Lào Cai	Lào Cai	Trung tâm vùng Trung du và miền núi phía Bắc; cực tăng trưởng của tỉnh; gần cửa khẩu, biên giới Việt Nam - Trung Quốc
8	Đô thị trung tâm tỉnh	Thái Nguyên	Trung tâm vùng Trung du và miền núi phía Bắc; trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
9	Đô thị trung tâm phía Bắc	Thái Nguyên	Cực tăng trưởng của tỉnh
10	Đô thị trung tâm phía Nam	Thái Nguyên	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị Hà Nội
11	Điện Biên Phủ	Điện Biên	Trung tâm vùng Trung du và miền núi phía Bắc; trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
12	Lạng Sơn	Lạng Sơn	Trung tâm vùng Trung du và miền núi phía Bắc; trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
13	Sơn La	Sơn La	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
14	Việt Trì	Phú Thọ	Trung tâm vùng Trung du và miền núi phía Bắc; trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
15	Vĩnh Yên	Phú Thọ	Cực tăng trưởng của tỉnh

<i>TT</i>	<i>Tên đô thị</i>	<i>Tỉnh/thành phố</i>	<i>Vai trò, chức năng</i>
16	Hòa Bình	Phú Thọ	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị Hà Nội
17	Phúc Yên	Phú Thọ	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị Hà Nội
II	VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG		
18	Đô thị TT Hải Phòng (khu vực TT phía Đông)	TP. Hải Phòng	Trung tâm thành phố, chức năng tổng hợp; gần cảng biển
19	Đô thị TT Hải Phòng (khu vực TT phía Tây)	TP. Hải Phòng	Cực tăng trưởng của thành phố
20	Thủy Nguyên	TP. Hải Phòng	Cực tăng trưởng của thành phố
21	Chí Linh	TP. Hải Phòng	Cực tăng trưởng của thành phố
22	Kinh Môn	TP. Hải Phòng	Cực tăng trưởng của thành phố
23	Bắc Giang	Bắc Ninh	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
24	Kinh Bắc (Bắc Ninh)	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
25	Từ Sơn	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
26	Tiên Du*	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
27	Yên Phong	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
28	Quế Võ	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
29	Gia Thuận*	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
30	Hiệp hoà	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
31	Tân Yên - Yên Thế*	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
32	Lạng Giang - Lục Nam*	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
33	Lục Ngạn*	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
34	Sơn Động*	Bắc Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
35	Hạ Long	Quảng Ninh	Trung tâm thành phố, chức năng tổng hợp; gần cảng biển
36	Uông Bí	Quảng Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
37	Cẩm Phả	Quảng Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh; gần cảng biển
38	Móng Cái	Quảng Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh; gần cửa khẩu, biên giới Việt Nam - Trung Quốc
39	Đông Triều	Quảng Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
40	Quảng Yên	Quảng Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh; gần cảng biển
41	Phố Hiến (Hưng Yên)	Hưng Yên	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp;
42	Thái Bình	Hưng Yên	Cực tăng trưởng của tỉnh

<i>TT</i>	<i>Tên đô thị</i>	<i>Tỉnh/thành phố</i>	<i>Vai trò, chức năng</i>
43	Mỹ Hào	Hung Yên	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị Hà Nội
44	Văn Giang	Hung Yên	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị Hà Nội
45	Hoa Lư	Ninh Bình	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; đô thị di sản
46	Nam Định	Ninh Bình	Cực tăng trưởng của tỉnh
47	Phủ Lý	Ninh Bình	Cực tăng trưởng của tỉnh; đô thị vệ tinh của Vùng đô thị Hà Nội
48	Tam Điệp	Ninh Bình	Cực tăng trưởng của tỉnh
49	Duy Tiên	Ninh Bình	Cực tăng trưởng của tỉnh; đô thị vệ tinh của Vùng đô thị Hà Nội
50	Kim Bảng	Ninh Bình	Cực tăng trưởng của tỉnh; đô thị vệ tinh của Vùng đô thị Hà Nội
III	VÙNG BẮC TRUNG BỘ		
51	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Trung tâm vùng Bắc Trung Bộ; trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
52	Sầm Sơn	Thanh Hóa	Cực tăng trưởng của tỉnh; đô thị động lực cấp tiêu vùng của vùng
53	Nghi Sơn	Thanh Hóa	Cực tăng trưởng của tỉnh; cực tăng trưởng vùng động lực Bắc Trung Bộ; gần cảng biển
54	Bỉm Sơn	Thanh Hóa	Cực tăng trưởng của tỉnh
55	Vinh	Nghệ An	Trung tâm vùng Bắc Trung Bộ; trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
56	Hoàng Mai	Nghệ An	Cực tăng trưởng của tỉnh; cực tăng trưởng vùng động lực Bắc Trung Bộ; gần cảng biển
57	Thái Hòa	Nghệ An	Cực tăng trưởng của tỉnh
58	Diễn Châu*	Nghệ An	Cực tăng trưởng của tỉnh
59	Đô Lương	Nghệ An	Cực tăng trưởng của tỉnh
60	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; đô thị động lực cấp tiêu vùng của vùng
61	Vũng Áng	Hà Tĩnh	Cực tăng trưởng của tỉnh; cực tăng trưởng vùng động lực Bắc Trung Bộ; gần cảng biển
62	Đồng Hới	Quảng Trị	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; đô thị động lực cấp tiêu vùng của vùng
63	Đông Hà	Quảng Trị	Cực tăng trưởng của tỉnh; đô thị động lực cấp tiêu vùng của vùng

<i>TT</i>	<i>Tên đô thị</i>	<i>Tỉnh/thành phố</i>	<i>Vai trò, chức năng</i>
64	Đô thị TT Huế	TP. Huế	Trung tâm thành phố, chức năng tổng hợp; đô thị di sản
65	Hương Thủy	TP. Huế	Cực tăng trưởng của thành phố
IV	VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN		
66	Đô thị TT Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Trung tâm thành phố, chức năng tổng hợp; gần cảng biển
67	Tam Kỳ	TP. Đà Nẵng	Cực tăng trưởng của thành phố; đô thị động lực cấp tiểu vùng của vùng
68	Hội An	TP. Đà Nẵng	Cực tăng trưởng của thành phố; đô thị di sản; đô thị động lực cấp tiểu vùng của vùng
69	Điện Bàn	TP. Đà Nẵng	Cực tăng trưởng của thành phố
70	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; đô thị động lực cấp tiểu vùng của vùng
71	Kon Tum	Quảng Ngãi	Cực tăng trưởng của tỉnh; đô thị động lực cấp tiểu vùng của vùng
72	Quy Nhơn (mở rộng gồm An Nhơn)	Gia Lai	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; đô thị động lực cấp tiểu vùng của vùng; gần cảng biển;
73	Pleiku	Gia Lai	Trung tâm phía Tây của tỉnh; đô thị động lực cấp tiểu vùng của vùng
74	Hoài Nhơn	Gia Lai	Cực tăng trưởng của tỉnh
75	An Khê	Gia Lai	Cực tăng trưởng của tỉnh
76	Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Trung tâm vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
77	Tuy Hòa	Đắk Lắk	Trung tâm tăng trưởng của tỉnh; đô thị động lực cấp tiểu vùng của vùng
78	Sông Cầu	Đắk Lắk	Cực tăng trưởng của tỉnh
79	Đông Hòa	Đắk Lắk	Một phần trung tâm tăng trưởng ven biển của tỉnh (gồm Tuy Hòa - Đông Hòa và vùng phụ cận)
80	Buôn Hồ	Đắk Lắk	Một phần trung tâm tăng trưởng cao nguyên của tỉnh (gồm Buôn Ma Thuột - Buôn Hồ và vùng phụ cận)
81	Nha Trang	Khánh Hòa	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; gần cảng du lịch quốc tế
82	Phan Rang - Tháp Chàm	Khánh Hòa	Cực tăng trưởng của tỉnh
83	Cam Ranh	Khánh Hòa	Cực tăng trưởng của tỉnh; gần cảng biển

<i>TT</i>	<i>Tên đô thị</i>	<i>Tỉnh/thành phố</i>	<i>Vai trò, chức năng</i>
84	Ninh Hòa	Khánh Hòa	Cực tăng trưởng của tỉnh; gần cảng biển
85	Cam Lâm*	Khánh Hòa	Cực tăng trưởng của tỉnh
86	Đà Lạt	Lâm Đồng	Trung tâm vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp
87	Phan Thiết	Lâm Đồng	Cực tăng trưởng của tỉnh; đô thị động lực cấp tiêu vùng của vùng
88	La Gi	Lâm Đồng	Cực tăng trưởng của tỉnh
89	Bảo Lộc	Lâm Đồng	Cực tăng trưởng của tỉnh; đô thị động lực cấp tiêu vùng của vùng
90	Gia Nghĩa	Lâm Đồng	Cực tăng trưởng của tỉnh; đô thị động lực cấp tiêu vùng của vùng
V	VÙNG ĐÔNG NAM BỘ		
91	Biên Hòa	TP. Đồng Nai	Trung tâm thành phố, chức năng tổng hợp; trung tâm cấp vùng về dịch vụ đa lĩnh vực chất lượng cao
92	Long Khánh	TP. Đồng Nai	Cực tăng trưởng của thành phố; đô thị vệ tinh của vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh
93	Đồng Xoài	TP. Đồng Nai	Cực tăng trưởng của thành phố; trung tâm cấp vùng về thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục, đào tạo
94	Long Thành	TP. Đồng Nai	Cực tăng trưởng của thành phố
95	Nhon Trạch	TP. Đồng Nai	Cực tăng trưởng của thành phố
96	Chơn Thành	TP. Đồng Nai	Cực tăng trưởng của thành phố
97	Tân An	Tây Ninh	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; đô thị vệ tinh của vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh
98	Tân Ninh	Tây Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh; trung tâm cấp vùng về thương mại, dịch vụ, du lịch văn hóa - lịch sử
99	Bến Cầu - Mộc Bài*	Tây Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh; gần cửa khẩu, biên giới Việt Nam - Campuchia
100	Kiến Tường	Tây Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh; gần cửa khẩu, biên giới Việt Nam - Campuchia
101	Hòa Thành	Tây Ninh	Cực tăng trưởng của tỉnh
102	Trảng Bàng	Tây Ninh	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh
103	Đức Hòa	Tây Ninh	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh

<i>TT</i>	<i>Tên đô thị</i>	<i>Tỉnh/thành phố</i>	<i>Vai trò, chức năng</i>
104	Bến Lức	Tây Ninh	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh
105	Cần Giuộc	Tây Ninh	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh; gần cảng biển
106	Cần Đước	Tây Ninh	Đô thị vệ tinh của vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh
VI	VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG		
107	Mỹ Tho	Đồng Tháp	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; trung tâm tiểu vùng của vùng
108	Cao Lãnh	Đồng Tháp	Cực tăng trưởng của tỉnh; động lực tăng trưởng trung tâm của vùng
109	Hồng Ngự	Đồng Tháp	Cực tăng trưởng của tỉnh; trung tâm tiểu vùng của vùng; gần cửa khẩu, biên giới Việt Nam - Campuchia
110	Sa Đéc	Đồng Tháp	Cực tăng trưởng của tỉnh
111	Cai Lậy	Đồng Tháp	Cực tăng trưởng của tỉnh
112	Gò Công	Đồng Tháp	Cực tăng trưởng của tỉnh; trung tâm động lực tăng trưởng tiểu vùng của vùng
113	Rạch Giá	An Giang	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; trung tâm động lực tăng trưởng tiểu vùng của vùng; gần cảng biển
114	Long Xuyên	An Giang	Cực tăng trưởng của tỉnh; động lực tăng trưởng trung tâm của vùng
115	Châu Đốc	An Giang	Cực tăng trưởng của tỉnh; trung tâm tiểu vùng của vùng; gần cửa khẩu, biên giới Việt Nam - Campuchia
116	Tân Châu	An Giang	Cực tăng trưởng của tỉnh; gần cửa khẩu, biên giới Việt Nam - Campuchia
117	Hà Tiên	An Giang	Cực tăng trưởng của tỉnh; trung tâm tiểu vùng của vùng; gần cửa khẩu, biên giới Việt Nam - Campuchia; gần cảng biển
118	Tịnh Biên	An Giang	Cực tăng trưởng của tỉnh; gần cửa khẩu, biên giới Việt Nam - Campuchia
119	Vĩnh Long	Vĩnh Long	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; động lực tăng trưởng trung tâm của vùng
120	Bến Tre	Vĩnh Long	Cực tăng trưởng của tỉnh
121	Trà Vinh	Vĩnh Long	Cực tăng trưởng của tỉnh; trung tâm động lực tăng trưởng tiểu vùng của vùng

<i>TT</i>	<i>Tên đô thị</i>	<i>Tỉnh/thành phố</i>	<i>Vai trò, chức năng</i>
122	Bình Minh	Vĩnh Long	Cực tăng trưởng của tỉnh
123	Đô thị TT Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Trung tâm thành phố, chức năng tổng hợp;
124	Vị Thanh	TP. Cần Thơ	Cực tăng trưởng của thành phố
125	Ngã Bảy	TP. Cần Thơ	Cực tăng trưởng của thành phố
126	Long Mỹ	TP. Cần Thơ	Cực tăng trưởng của thành phố
127	Sóc Trăng	TP. Cần Thơ	Cực tăng trưởng của thành phố; trung tâm động lực tăng trưởng tiểu vùng của vùng
128	Cà Mau	Cà Mau	Trung tâm tỉnh, chức năng tổng hợp; trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long
129	Bạc Liêu	Cà Mau	Cực tăng trưởng của tỉnh
130	Giá Rai	Cà Mau	Cực tăng trưởng của tỉnh
131	Sông Đốc	Cà Mau	Cực tăng trưởng của tỉnh
132	Năm Căn	Cà Mau	Cực tăng trưởng của tỉnh; gắn cảng biển
133	Gành Hào	Cà Mau	Cực tăng trưởng của tỉnh
134	Đất Mũi	Cà Mau	Cực tăng trưởng của tỉnh; gắn cảng biển

Ghi chú:

- Các đô thị loại II, loại III trực thuộc Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được xác định, tổ chức và quản lý phát triển theo Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội, Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh và các quy hoạch có liên quan.

- Việc xem xét, bổ sung các đô thị khác khi có đủ điều kiện, tiêu chí thực hiện theo định hướng của cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật có liên quan.

- Vai trò, chức năng nêu trong Phụ lục mang tính tổng quát, định hướng, thể hiện các chức năng nổi trội của đô thị; không hạn chế các chức năng phát triển khác phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của từng đô thị.

- Tên gọi, phạm vi và phân loại đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

(*): Khu vực dự kiến hình thành đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phát triển đô thị theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

IV. Danh mục đảo / đặc khu là đô thị

<i>TT</i>	<i>Đảo / đặc khu</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>Loại đô thị</i>	<i>Giai đoạn</i>
1	Vân Đồn*	Quảng Ninh	II	Đến năm 2030
2	Cô Tô	Quảng Ninh	III	Đến năm 2030
3	Cát Hải	Hải Phòng	III	Đến năm 2050
4	Lý Sơn	Quảng Ngãi	III	Đến năm 2030
5	Trường Sa	Khánh Hòa	III	Đến năm 2030

TT	Đảo / đặc khu	Tỉnh	Loại đô thị	Giai đoạn
6	Phú Quý	Lâm Đồng	III	Đến năm 2050
7	Côn Đảo	TP. Hồ Chí Minh	III	Đến năm 2030
8	Phú Quốc	An Giang	II	Đến năm 2030
9	Kiên Hải	An Giang	III	Đến năm 2030

Ghi chú:

(*): Khu vực dự kiến hình thành đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phát triển đô thị theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

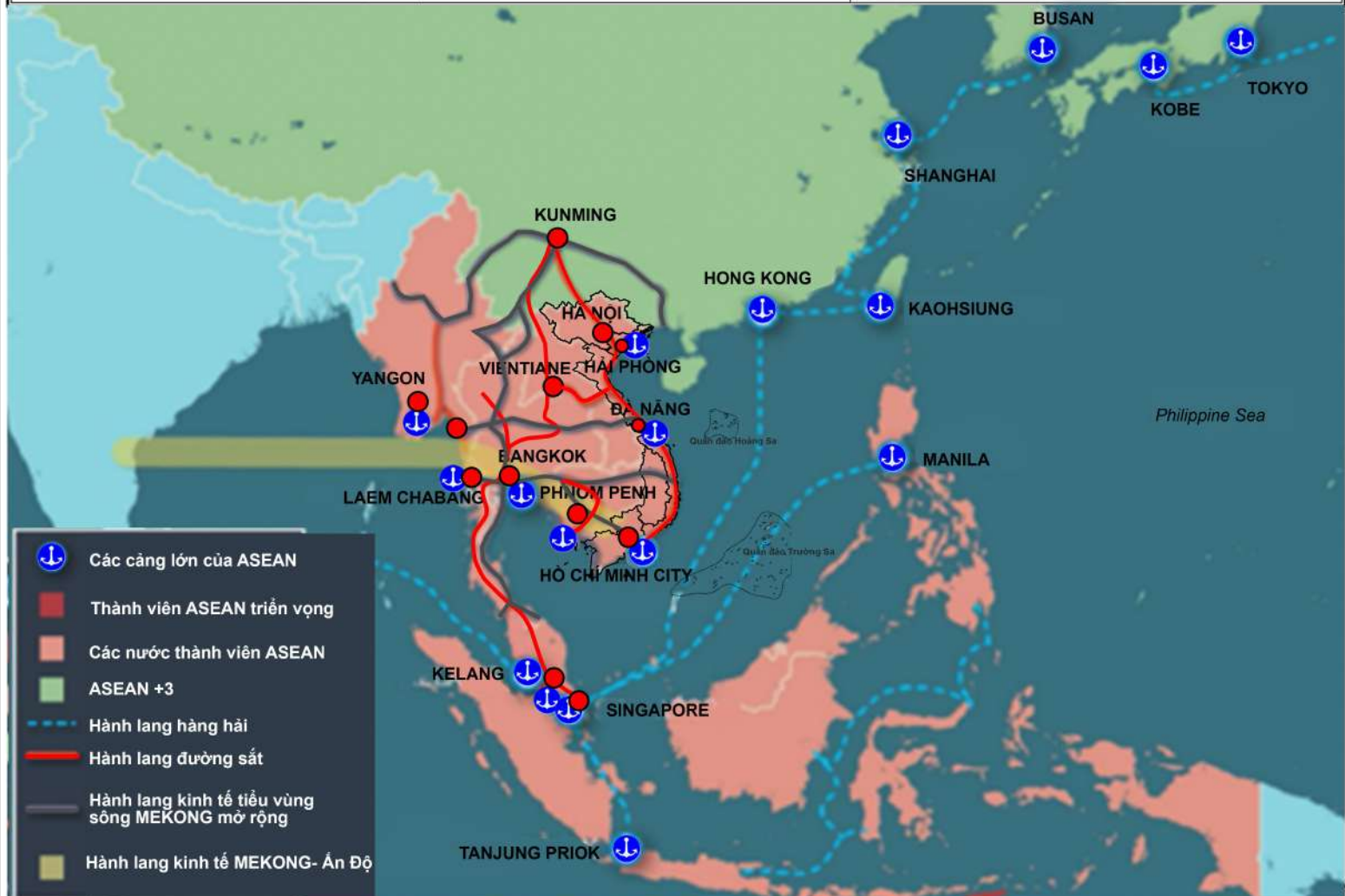
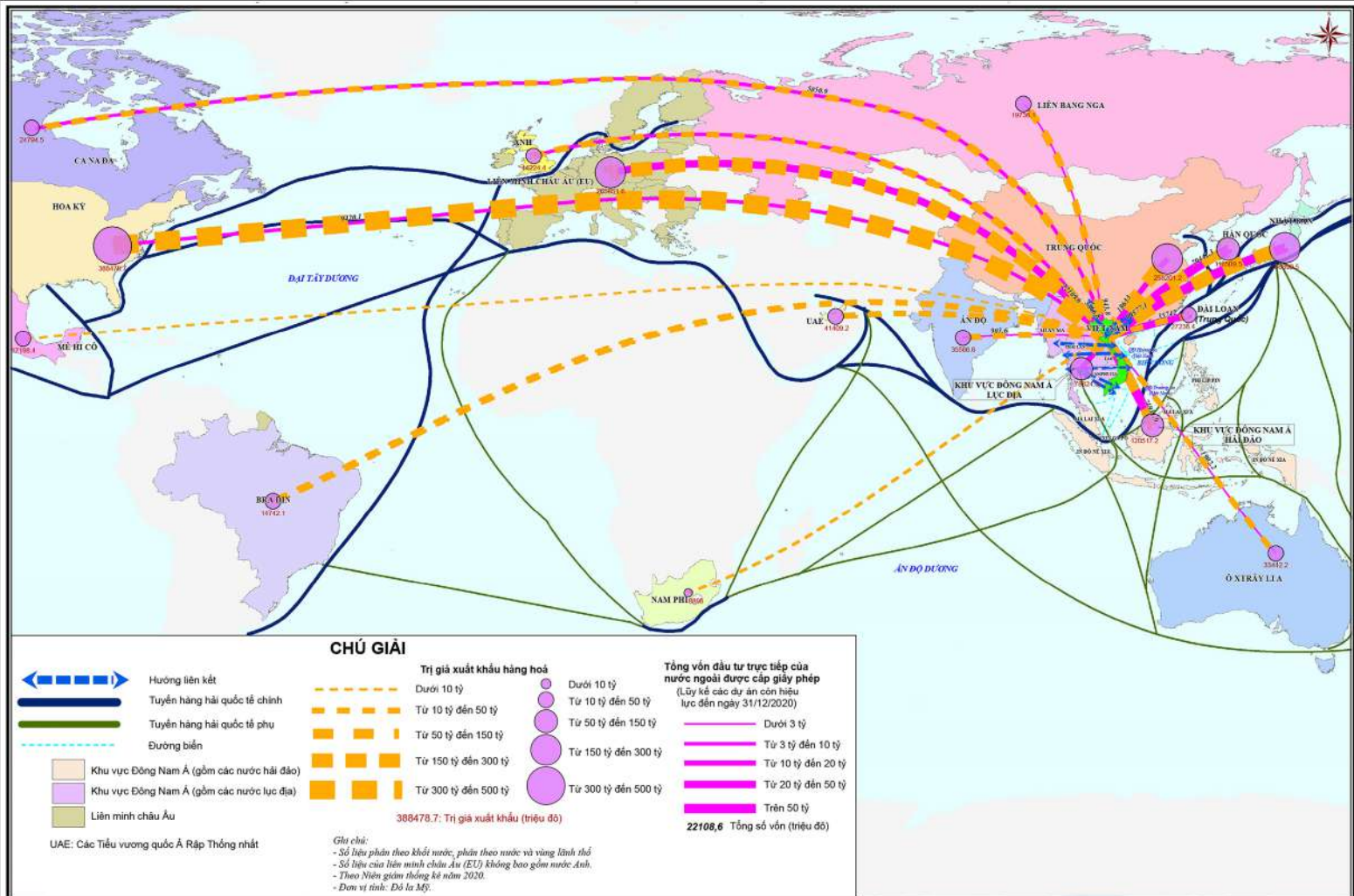
PHỤ LỤC II

DANH MỤC SƠ ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

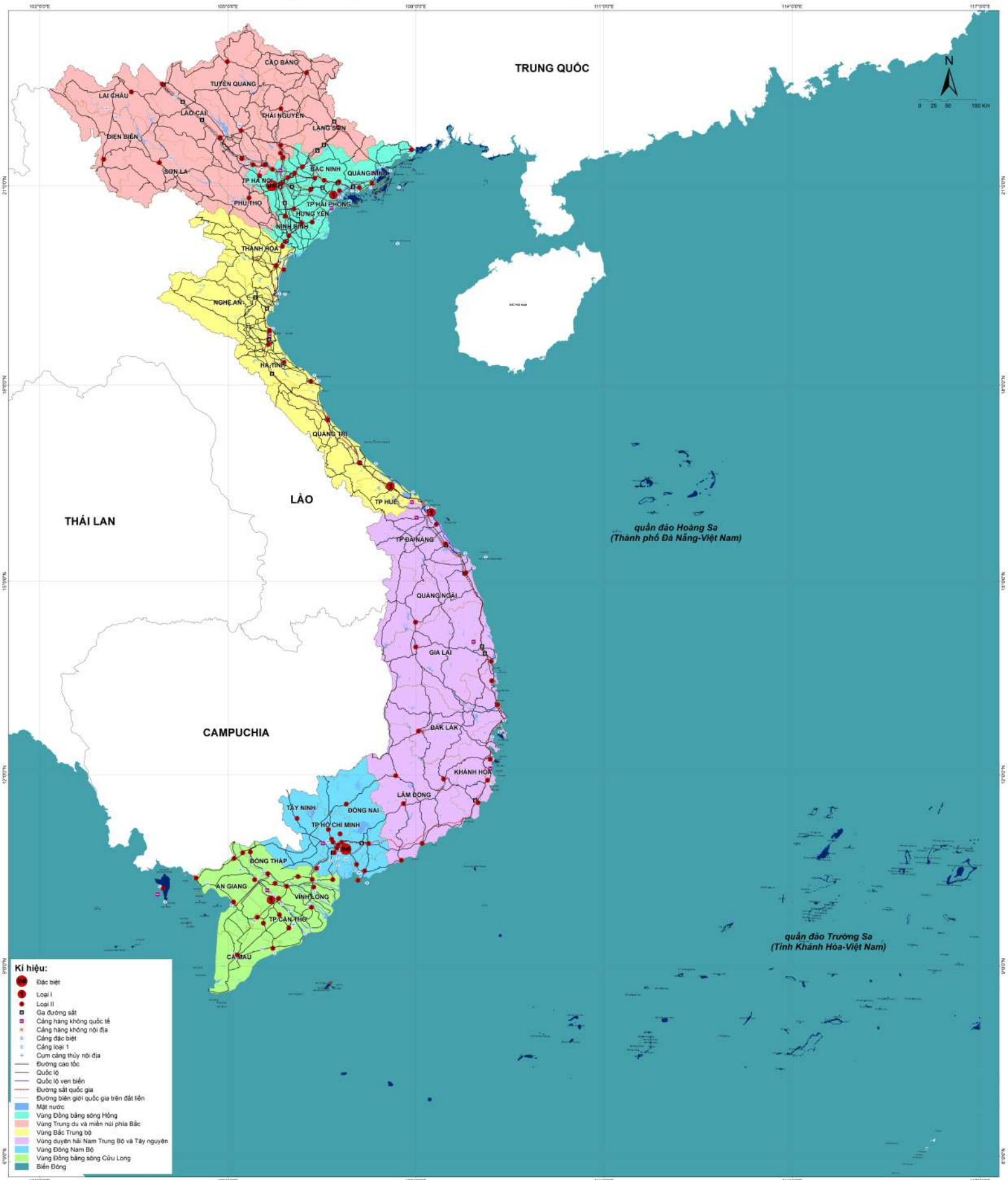
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01.6
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Phụ lục này thay thế phụ lục II kèm theo Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày
22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ giữa Việt Nam với khu vực và thế giới	1/4.000.000
2	Sơ đồ hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn năm 2025	1/1.000.000
3	Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn - Phân loại đô thị	1/1.000.000



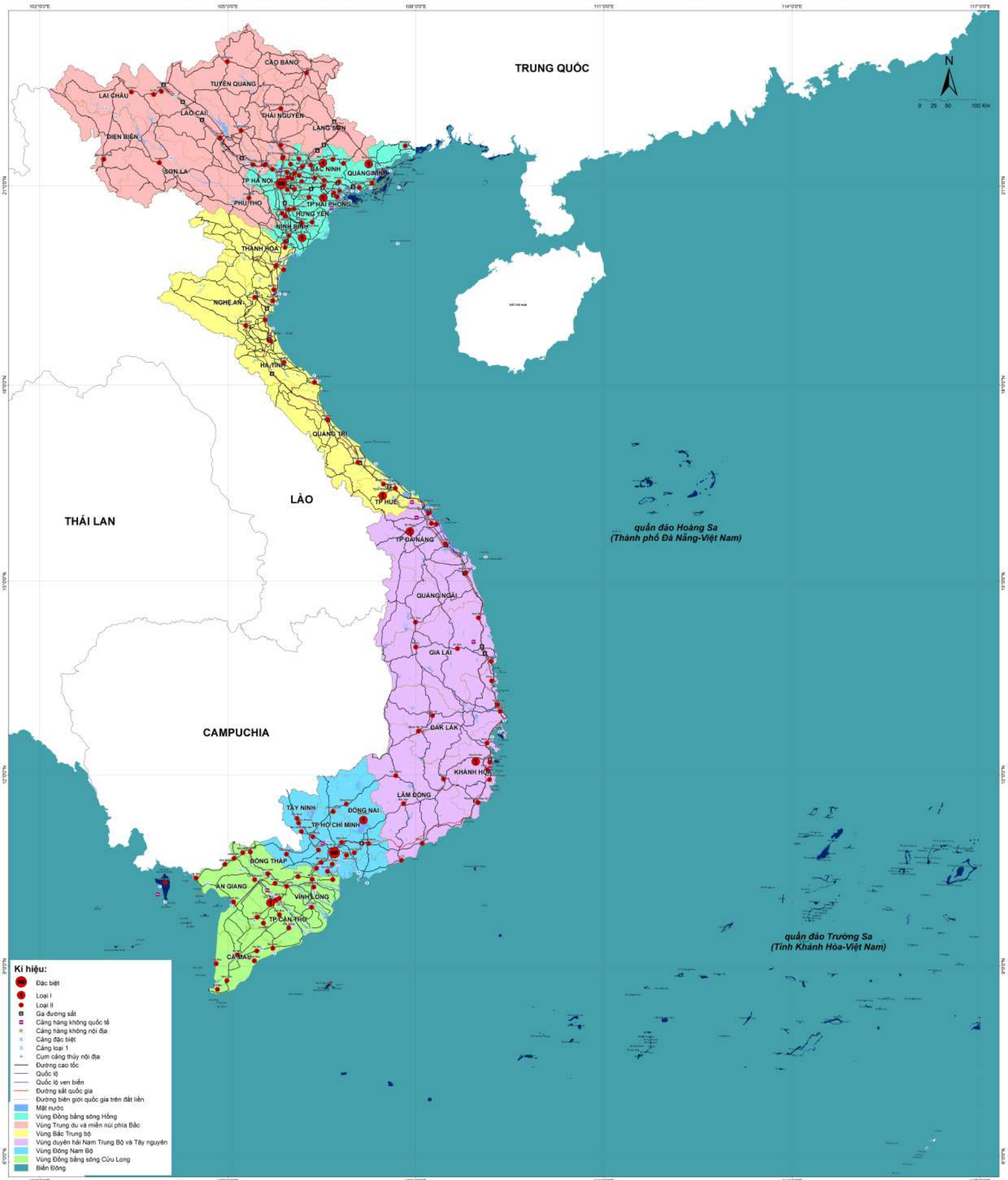
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN NĂM 2025



- Kí hiệu:**
- Đặc biệt
 - Loại I
 - Loại II
 - Ga đường sắt
 - Cảng hàng không quốc tế
 - Cảng hàng không nội địa
 - Cảng đảo biệt
 - Cảng loại 1
 - Cùm cảng thủy nội địa
 - Đường cao tốc
 - Quốc lộ
 - Quốc lộ ven biển
 - Đường sắt quốc gia
 - Đường biên giới quốc gia trên đất liền
 - Mặt nước
 - Vùng Đồng bằng sông Hồng
 - Vùng Trung du và miền núi phía Bắc
 - Vùng Bắc Trung bộ
 - Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên
 - Vùng Đông Nam Bộ
 - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long
 - Biển Đông

TỶ LỆ: 1/1.000.000

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ ĐẾN NĂM 2030



- Kí hiệu:**
- Đặc biệt
 - Loại I
 - Loại II
 - Ga đường sắt
 - ✈ Cảng hàng không quốc tế
 - ✈ Cảng hàng không nội địa
 - ✈ Cảng đặc biệt
 - ✈ Cảng loại 1
 - ✈ Dục cảng thủy nội địa
 - Đường cao tốc
 - Quốc lộ
 - Quốc lộ ven biển
 - Đường sắt quốc gia
 - Đường biên giới quốc gia trên đất liền
 - Mặt nước
 - Vùng Đồng bằng sông Hồng
 - Vùng Trung du và miền núi phía Bắc
 - Vùng Bắc Trung bộ
 - Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên
 - Vùng Đông Nam Bộ
 - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long
 - Biển Đông

TỶ LỆ: 1/1.000.000